

Số: /KH-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2020

KẾ HOẠCH

Ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động của các cơ quan nhà nước;

Thực hiện Công văn số 2606/BTTTT-THH-ATTT ngày 15/7/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước, phát triển Chính phủ số/Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch năm 2021;

Xét đề nghị ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025 của Sở Thông tin và Truyền thông tại Công văn số 1634/STTTT-CNTT ngày 16/11/2020 và căn cứ góp ý của Cục Tin học hóa – Bộ Thông tin và Truyền thông tại Công văn số 1655/THH-CSCNTT ngày 05/11/2020; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin giai đoạn 2021 – 2025, cụ thể như sau:

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ỨNG DỤNG CNTT TRONG HOẠT ĐỘNG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

1. Môi trường pháp lý

Nhằm đẩy mạnh CNTT, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội trong tình hình mới. Trong thời gian vừa qua, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành và triển khai các Nghị quyết, Kế hoạch, Đề án để phát triển và ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

- Nghị quyết số 181/2015/NQ-HĐND ngày 03/12/2015 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về ứng dụng và phát triển CNTT tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016 – 2020.

- Quyết định số 1881/QĐ-UBND ngày 30/6/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển và ứng dụng CNTT xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016-2020.

- Quyết định số 366/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của UBND tỉnh ban hành Bộ chỉ số ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước tỉnh Đắk Lắk.

- Kế hoạch số 2429/KH-UBND ngày 29/3/2019 của UBND tỉnh Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025.

- Quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 16/4/2019 của UBND tỉnh về việc hành lập Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng tỉnh Đắk Lắk và tham mưu ban hành Quy chế hoạt động của Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng.

- Quyết định số 1037/QĐ-UBND ngày 7/5/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 và tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) qua dịch vụ bưu chính công ích năm 2019.

- Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý, cung cấp và sử dụng Cổng dịch vụ hành chính công trực tuyến tích hợp Một cửa điện tử liên thông tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử giữa các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Đắk Lắk.

- Kế hoạch số 541/KH-UBND ngày 17/01/2020 của UBND tỉnh về ứng dụng CNTT, phát triển Chính quyền điện tử trong hoạt động cơ quan nhà nước tỉnh Đắk Lắk năm 2020.

- Quyết định số 1675/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND tỉnh Quyết định ban hành Kế hoạch triển khai cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tại tỉnh Đắk Lắk theo Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ và Kế hoạch số 175-KH/TU ngày 08/6/2020 của Tỉnh ủy Đắk Lắk.

- Thành lập và kiện toàn Ban chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh, Ban chỉ đạo Chính quyền điện tử cấp huyện một số huyện trên địa bàn tỉnh.

2. Hạ tầng kỹ thuật

- Mạng Truyền số liệu chuyên dùng trong các cơ quan Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh ước đến hết năm 2020, hoàn thành triển khai 218 điểm từ cấp tỉnh đến cấp xã.

- Hạ tầng thiết bị, mạng cục bộ (mạng LAN) tại các đơn vị: 100% các sở ban, ngành; UBND các huyện, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn đã có mạng LAN, kết nối Internet; tổng số máy tính tại các cơ quan nhà nước cấp tỉnh là 1.451 chiếc, cấp huyện là 1.612 chiếc, cấp xã là 4.305 chiếc.

- Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh đã được triển khai, trở thành hạ tầng kỹ thuật CNTT quan trọng, cho phép kết nối, liên kết tích hợp ứng dụng CNTT của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Một số ngành, đơn vị đã triển khai và từng bước hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật CNTT, phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành của ngành như: Ngành Tài nguyên và Môi trường triển khai hệ thống mạng liên thông phục vụ quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu (CSDL) địa chính giữa Sở Tài nguyên và Môi trường và Văn phòng đăng ký đất đai tại các huyện; ngành Tài chính đã triển khai và duy trì kết nối liên thông hệ thống mạng LAN của Sở Tài chính với mạng LAN của Phòng Tài chính Kế hoạch các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh để vận hành hệ thống TABMIS....

3. Các hệ thống nền tảng

Hiện nay tỉnh Đắk Lắk chưa được bố trí kinh phí để triển khai xây dựng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP). Trên cơ sở nguồn kinh phí được cấp từ nguồn kinh phí Trung ương thuộc nội dung Chương trình mục tiêu CNTT, đồng thời căn cứ các hướng dẫn tính năng, kỹ thuật của LGSP, tỉnh Đắk Lắk đã xây dựng các nội dung nền tảng cơ bản để bước đầu xây dựng LGSP.

4. Phát triển dữ liệu

Trong giai đoạn 2016 – 2020, đã triển khai thực hiện “Tạo lập, chuẩn hóa CSDL dùng chung và chuyên ngành thuộc Chương trình mục tiêu CNTT giai đoạn 2016 – 2020”.

- Về CSDL dùng chung, năm 2019 tỉnh đã xây dựng, triển khai và đưa vào sử dụng các CSDL dùng chung (thuộc dự án Tạo lập, chuẩn hóa CSDL dùng chung và chuyên ngành thuộc chương trình mục tiêu CNTT giai đoạn 2016 – 2020) với 25 CSDL danh mục dùng chung đã được xây dựng (bao gồm phần mềm quản lý CSDL và các API chia sẻ khai thác dữ liệu), cụ thể như sau:

STT	Tên	Số lượng dữ liệu
1	Danh mục cơ quan	688
2	Danh mục đơn vị	16
3	Danh mục cán bộ công chức	5.923
4	Danh mục loại tổ chức, cá nhân	5
5	Danh mục tình trạng hôn nhân	5
6	Danh mục quan hệ gia đình	40
7	Danh mục vị trí việc làm	209
8	Danh mục địa giới hành chính	11.934
9	Danh mục tuyến đường	95

STT	Tên	Số lượng dữ liệu
10	Danh mục dân tộc	54
11	Danh mục tôn giáo	14
12	Danh mục quốc tịch	249
13	Danh mục trình độ chuyên môn kỹ thuật	8
14	Danh mục nghề nghiệp	634
15	Danh mục thông tin sinh trắc học	17
16	Danh mục loại văn bản	35
17	Danh mục cấp văn bản	5
18	Danh mục lĩnh vực văn bản	67
19	Danh mục độ mật	3
20	Danh mục độ khẩn	7
21	Danh mục quy trình	256
22	Danh mục giấy tờ kèm theo	5.911
23	Danh mục bộ TTHC	1.641
24	Danh mục lĩnh vực TTHC	199
25	Danh mục loại hình doanh nghiệp	4
	Tổng cộng	28.019

- Năm 2020, Sở Thông tin và Truyền thông đang triển khai thực hiện “Mở rộng hệ thống CSDL dùng chung chuyên ngành năm 2020”, gồm các danh mục như sau:

- Quản lý danh mục doanh nghiệp.
- Quản lý danh mục khu công nghiệp.
- Quản lý danh mục lĩnh vực kinh doanh.
- Quản lý danh mục khách sạn.
- Quản lý danh mục nhà hàng.
- Quản lý danh mục sân golf.
- Quản lý danh mục khu nghỉ dưỡng.
- Quản lý danh mục di tích lịch sử, tự nhiên, văn hóa.
- Quản lý danh mục bảo tàng.
- Quản lý danh mục dự án đầu tư.

- Quản lý danh mục Văn bản pháp lý.
- Quản lý danh mục địa điểm du lịch.
- Quản lý danh mục sự kiện văn hóa.

5. Các ứng dụng, dịch vụ CNTT

a) Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước

- Giai đoạn 2016-2020, có 47 cơ quan, đơn vị đã triển khai Hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành (iDesk). Từ ngày 01/1/2020 đến 30/9/2020, có 1.410.312 văn bản điện tử đã được trao đổi liên thông giữa các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã qua hệ thống iDesk.

- Có trên 46.016 tài khoản thư điện tử công vụ của Cán bộ, công chức, viên chức dùng để trao đổi thông tin trong công việc trên Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh (iMail).

- Nhằm tăng cường việc sử dụng văn bản điện tử, tham mưu phối hợp với Cục Cơ yếu Đảng – Chính quyền (Ban Cơ yếu Chính phủ) tích hợp ký số vào các phần mềm dùng chung của tỉnh như Phần mềm quản lý văn bản và điều hành (iDesk), Hệ thống dịch vụ hành chính công trực tuyến tích hợp Một cửa điện tử liên thông (iGate). Đến nay, Sở Thông tin và Truyền thông đã cấp phát 4.127 chữ ký số cho cá nhân, tổ chức (3.402 cá nhân, 725 tổ chức) và hơn 655 chữ ký số trên SIM PKI.

- Hệ thống thông tin báo cáo được triển khai và kết với hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ.

- Ngày 30/9/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh có Quyết định số 2344/QĐ-UBND Quyết định về việc thành lập Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh Đắk Lắk.

b) Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Hệ thống iGate cung cấp 1.642 dịch vụ công trực tuyến, trong đó: 595 dịch vụ công trực tuyến mức 3 và 357 dịch vụ công trực tuyến mức 4. Hệ thống iGate đã tiếp nhận 268.733 hồ sơ, đã giải quyết 258.472 hồ sơ theo cơ chế Một Cửa điện tử liên thông; có 25.423 hồ sơ được nộp, tiếp nhận và giải quyết trực tuyến mức độ 3 trên tổng số 229.561 hồ sơ được nộp trực tiếp trên hệ thống iGate chiếm tỷ lệ 11.07%, có 13.749 hồ sơ được nộp, tiếp nhận và giải quyết trực tuyến mức độ 4 trên tổng số 229.561 hồ sơ được nộp trực tiếp trên hệ thống iGate chiếm tỷ lệ 5.99%. Riêng hồ sơ TTHC cấp tỉnh (các Sở, ban, ngành) đạt 33.57% hồ sơ TTHC nộp trực tuyến mức độ 3,4.

- Tham mưu, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện tích hợp Dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh với Cổng Dịch vụ công quốc gia, đến thời điểm hiện tại đã tích hợp thành công 16 dịch vụ công.

- 19/19 Sở, ban, ngành và 15/15 UBND cấp huyện có trang thông tin điện tử. Hệ thống cổng/trang thông tin điện tử cơ quan nhà nước tỉnh đã từng bước được cải thiện về giao diện, hoạt động cung cấp và tiến tới minh bạch thông tin của cơ quan nhà nước; đặc biệt là thông tin về công tác chỉ đạo điều hành, thông tin kinh tế, xã hội của tỉnh đã đăng tải kịp thời trên môi trường mạng phục vụ rộng rãi cho cộng đồng, xã hội.

6. Nguồn nhân lực ứng dụng CNTT

- Số lượng công chức, viên chức chuyên trách về CNTT tại các cơ quan nhà nước là 87 người (tại các sở, ban, ngành 57 người, tại UBND cấp huyện 30 người). Trong đó có 12 người có trình độ thạc sỹ, 47 người có trình độ đại học, 23 người có trình độ cao đẳng và 5 người có trình độ khác về CNTT.

- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức sử dụng thành thạo máy tính trong công việc: Cấp tỉnh là 100%, cấp huyện là 100% và cấp xã là 80% (sử dụng máy tính để soạn thảo văn bản, truy cập Internet và tìm kiếm, khai thác thông tin phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ).

7. An toàn thông tin

- Đội Ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng được UBND tỉnh thành lập tại Quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 16/4/2019. Thành viên của Đội Ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng thường xuyên phối hợp các cơ quan, đơn vị xử lý tình huống mất an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh. Trong thời gian qua, chưa phát hiện các sự cố lây nhiễm mã độc lớn gây ảnh hưởng đến hệ thống mạng trên địa bàn tỉnh.

- Giám sát, bảo vệ các hệ thống thông tin của tỉnh: 100% các máy chủ thuộc hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh đã được cài đặt, cấu hình tường lửa, phần mềm diệt virus, cài đặt hệ thống giám sát an toàn thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai.

- Thường xuyên triển khai các hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, Cục An toàn thông tin, Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp không gian mạng Việt Nam (VNCERT) về việc cảnh báo, xử lý các loại virus, mã độc tới các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh như mã độc mã hóa dữ liệu, mã độc đào tiền ảo, các loại máy tính, thiết bị mạng, sản phẩm bị gắn kèm mã độc, các lỗ hổng bảo mật... Hàng năm, ban hành công văn cảnh báo và hướng dẫn đảm bảo An toàn thông tin các dịp lễ, tết. Cảnh báo lộ lọt tài khoản thư điện tử, thông tin cá nhân...

- Để đảm bảo an toàn, an ninh thông tin đối với các đối với các hệ thống mạng, các Trang/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, tham mưu phối hợp với Trung tâm ứng cứu sự cố máy tính Việt Nam, Công an tỉnh trong việc rà soát phát hiện và kịp thời xử lý các lỗ hổng bảo mật và tổ chức Đào tạo nghiệp vụ về công tác an toàn thông tin.

- Triển khai giải pháp phòng chống mã độc theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại. Năm 2020, triển khai cài phần mềm virus có bản quyền cho máy trạm tại các sở, ngành của tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố để phục vụ phòng chống mã độc, diệt virus cho 3.026 máy trạm.

- Hàng năm, UBND tỉnh giao Sở Thông tin và Truyền thông thường xuyên tổ chức các khóa bồi dưỡng kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động các cơ quan nhà nước tỉnh Đắk Lắk.

8. Nguồn kinh phí ứng dụng CNTT giai đoạn 2016 - 2020

- Tổng kinh phí CNTT giai đoạn 2016 - 2020: **62.357** triệu đồng.

- Nguồn kinh phí: Ngân sách nhà nước.

(Chi tiết tại Phụ lục I. Nhiệm vụ, kinh phí ứng dụng CNTT giai đoạn 2016 - 2020)

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Căn cứ lập Kế hoạch

- Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước.

- Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến năm 2025.

- Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 12/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án Công Dịch vụ công quốc gia.

- Kế hoạch số 2429/KH-UBND ngày 29/3/2019 của UBND tỉnh kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025.

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Quyết định số 2323/QĐ-BTTTT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam phiên bản 2.0.

- Quyết định số 3962/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Đắk Lắk, phiên bản 2.0.

- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ Quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

- Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 29/4/2020 của UBND tỉnh về việc tăng cường sử dụng hiệu quả hệ thống iGate, dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

- Quyết định số 1675/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND tỉnh Quyết định ban hành Kế hoạch triển khai cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tại tỉnh Đắk Lắk theo Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ và Kế hoạch số 175-KH/TU ngày 08/6/2020 của Tỉnh ủy Đắk Lắk.

2. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng các nền tảng, phát triển hạ tầng số hiện đại, đồng bộ, ứng dụng CNTT sâu rộng, phát triển nguồn nhân lực số, nâng cao an toàn thông tin trong toàn hệ thống chính trị nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành, thúc đẩy cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh; phát triển Đô thị thông minh theo hướng bền vững phục vụ người dân, xã hội ngày một tốt hơn, nâng cao sự hài lòng, chất lượng cuộc sống của người dân.

3. Mục tiêu cụ thể

a) Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- 80% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

- 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- Các CSDL dùng chung được kết nối, chia sẻ trên toàn tỉnh; từng bước mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội.

- 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

b) An toàn, an ninh mạng

- 100% máy chủ, thiết bị hạ tầng trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh được giám sát, đảm bảo an toàn thông tin, kết nối với Trung tâm giám sát an toàn thông tin quốc gia do Bộ Thông tin và Truyền thông vận hành.

- 100% trở lên máy tính cán bộ công chức viên chức trên địa bàn tỉnh được cài đặt phần mềm phòng chống, mã độc trên địa bàn tỉnh.

- 100% hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh được phê duyệt cấp độ an toàn thông tin theo quy định.

4. Nhiệm vụ kế hoạch

a) Hoàn thiện môi trường pháp lý

- Trình Ban thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết về Chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Ban hành các tiêu chuẩn kỹ thuật phục vụ kết nối, chia sẻ, tích hợp dữ liệu giữa các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh

- Thường xuyên rà soát, cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Đắk Lắk.

- Ban hành quy định đảm bảo an toàn an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng CNTT của các cơ quan nhà nước; Đưa nội dung đảm bảo an toàn thông tin vào quy chế, quy định quản lý vận hành và sử dụng các hệ thống thông tin.

b) Phát triển hạ tầng kỹ thuật

- Chỉ đạo và khuyến khích các doanh nghiệp triển khai cáp quang tới 100% các xã, phường, thị trấn. Cung cấp và nâng cao chất lượng đường truyền Internet đến 100% các cơ quan trong hệ thống chính trị; tăng tỷ lệ phủ sóng thông tin di động, đặc biệt là sóng di động 4G, 5G trên địa bàn tỉnh; Triển khai có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới.

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp, thay thế, đồng bộ máy tính mạng LAN của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, duy trì có hiệu quả việc kết hợp giữa mạng Truyền số liệu chuyên dùng và mạng Internet, đảm bảo hạ tầng triển khai các ứng dụng CNTT của tỉnh.

- Đầu tư nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh, thực hiện quy hoạch, tích hợp các hệ thống hệ thống thông tin, CSDL phục vụ phát triển Chính quyền điện tử.

- Hiện đại hóa cơ sở hạ tầng, trang bị phục vụ giám sát, điều hành đô thị thông minh và giám sát an toàn an ninh mạng.

c) Phát triển hệ thống nền tảng

- Tập trung nguồn lực triển khai có hiệu quả các hệ thống thông tin, CSDL quốc gia được triển khai từ Trung ương đến địa phương, kết nối chia sẻ, chuẩn hóa dữ liệu với các hệ thống thông tin của tỉnh.

- Đầu tư hoàn thiện nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh nhằm kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh. Trong đó, ưu tiên triển khai hệ thống thông tin dùng chung.

- Thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin về trang thông tin điện tử và dịch vụ công trực tuyến của tỉnh với hệ thống đánh giá, thu thập thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý, vận hành.

- Thực hiện kết nối các hệ thống thông tin của tỉnh với nền tảng thanh toán quốc gia PayGov do Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý, vận hành.

d) Phát triển dữ liệu

- Phát triển các hệ thống kho dữ liệu dùng chung nhằm quản lý các thông tin, dữ liệu dùng chung của tỉnh.

- Các CSDL dùng chung được kết nối, chia sẻ trên toàn tỉnh; từng bước mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội.

e) Phát triển các ứng dụng dịch vụ

- Tiếp tục duy trì, nâng cấp phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc; kết nối chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin và phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc.

- Tái thiết lập, sử dụng hệ thống giao ban trực tuyến toàn tỉnh, đảm bảo linh hoạt, phục vụ hợp mọi lúc, mọi nơi, an toàn và bảo mật thông tin.

- Thực hiện nâng cấp hệ thống thư điện tử tỉnh Đắk Lắk kết nối với các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh, đăng nhập một lần, thiết lập các lớp bảo mật, bổ sung các cơ chế cảnh báo, xử lý triệt để vấn đề thư rác và phát mã độc qua thư điện tử công vụ của tỉnh.

- Triển khai tập huấn sử dụng chữ ký số chuyên dùng trong các cơ quan hành chính nhà nước; Xây dựng triển khai và nhân rộng mô hình chuyển đổi số, hướng tới Chính quyền số.

- Hoàn thiện tích hợp hệ thống dịch vụ công trực tuyến tích hợp một cửa điện tử liên thông với hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

- Xây dựng tổng đài dịch vụ công nhằm hướng dẫn, giải đáp ý kiến thắc mắc của các tổ chức, người dân khi giao dịch trực tuyến với các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Đầu tư hệ thống giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh Đắk Lắk với dịch vụ, tiện ích như: giám sát điều hành giao thông và an ninh trật tự; giám sát thông tin trên môi trường mạng; Giám sát an toàn thông tin; Y tế, Du lịch, Giáo dục thông minh; quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm, cảnh báo môi trường và hệ thống dịch vụ công trên địa bàn tỉnh.

g) Đảm bảo an toàn thông tin

- Xây dựng, ban hành, thường xuyên rà soát, cập nhật các kế hoạch, quy hoạch, quy định về đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt động cơ quan, tổ chức.

- Hoàn thiện triển khai, nâng cấp và duy trì bảo đảm an toàn thông tin mô hình 4 lớp; triển khai, nâng cấp và duy trì hệ thống điều hành, giám sát an thông tin (SOC) và kết nối với Trung tâm giám sát an ninh mạng quốc gia (NCSC) do Bộ Thông tin và Truyền thông vận hành.

- Triển khai các giải pháp an toàn bảo mật thông tin, tích hợp chữ ký số chuyên dùng vào hệ thống CNTT dùng chung của tỉnh như: Cổng/Trang thông tin điện tử; Một cửa điện tử; Thư điện tử...

- Triển khai giải pháp an toàn bảo mật thông tin đồng bộ trên nền tảng Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh; Xây dựng bảo mật mã xác thực truy nhập bằng OTP (One Time Password) trên hệ thống CNTT dùng chung của tỉnh.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hoạt động liên tục của cơ quan, tổ chức; sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng.

- Triển khai phần mềm phòng chống mã độc cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

h) Nguồn nhân lực cho ứng dụng CNTT

- Phát triển Cổng đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến nhằm tạo môi trường học tập, đào tạo, thi, hội nghị, hội thảo trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp, cán bộ công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn, nâng cao trình độ quản trị, vận hành và đảm bảo an toàn thông tin cho bộ phận chuyên trách CNTT tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao kỹ năng khai thác, ứng dụng CNTT cho cán bộ công chức cấp huyện, xã phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan hành chính nhà nước.

- Đổi mới cách dạy và học trên cơ sở áp dụng công nghệ số. Khuyến khích các mô hình giáo dục, đào tạo mới dựa trên các nền tảng số. Phát triển nguồn nhân lực có trình độ cao, hình thành công dân điện tử.

- Phát triển nguồn nhân lực, đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, tiếp thu, làm chủ và sáng tạo công nghệ mới. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân tham gia mạng học tập mở. Thực hiện theo lộ trình phổ cập kỹ năng số, kỹ năng bảo đảm an toàn, an ninh mạng đạt trình độ cơ bản cho người dân. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, xây dựng văn hoá số trong cộng đồng.

5. Giải pháp thực hiện

a) Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Người đứng đầu tại các Sở, ban, ngành, địa phương, chịu trách nhiệm trực tiếp về ứng dụng CNTT phát triển Chính quyền số trong cơ quan, tổ chức, lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách; tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, người dân và doanh nghiệp về sự cần thiết và tính cấp thiết của Chính quyền số.

- UBND các huyện, thành phố chủ động lựa chọn một xã/phường để triển khai thử nghiệm công tác truyền thông cho người dân, bao gồm các kỹ năng cơ bản như truy cập và sử dụng Internet, thư điện tử, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử, dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm an toàn thông tin cá nhân.

- Áp dụng chi trả bằng chuyển khoản cho tất cả các đối tượng tạo nên móng, cơ sở cho việc thanh toán điện tử. Khi người dân tạo dựng được thói quen sử dụng tài khoản sẽ tiến tới áp dụng thanh toán điện tử tạo điều kiện cho Thương mại điện tử phát triển.

b) Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

- Thử nghiệm sản phẩm, giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh doanh số một cách có kiểm soát, xác định rõ phạm vi không gian và thời gian thử nghiệm, để khuyến khích đổi mới, sáng tạo.

- Phối hợp doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công thông qua mạng bưu chính công cộng, mạng xã hội; hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số.

c) Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

- Nghiên cứu, đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ số vào triển khai Chính quyền điện tử/Chính quyền số như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối,...

- Áp dụng công nghệ mới nhất về truyền thông xã hội (Social), truyền thông số; cung cấp thông tin và dịch vụ hành chính công một cách đơn giản, thuận tiện trên thiết bị di động, hướng đến chuyển đổi số toàn diện các mặt công tác chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước và cung cấp trải nghiệm tốt nhất, thân thiện nhất cho người dùng.

d) Thu hút nguồn lực CNTT

- Ưu tiên bố trí ngân sách của tỉnh cho các Chương trình, Kế hoạch, Dự án ứng dụng CNTT trọng tâm, trọng điểm để đầu tư trang thiết bị hạ tầng kỹ thuật, phần mềm ứng dụng CNTT và đào tạo nguồn nhân lực CNTT, phục vụ quản lý, chỉ đạo điều hành tại các cơ quan nhà nước.

- Ngân sách trung ương được đầu tư triển khai hạ tầng kỹ thuật và ứng dụng CNTT thông qua các dự án trọng điểm quốc gia và theo ngành dọc.

- Ưu tiên bố trí kinh phí thường xuyên của các cơ quan, đơn vị để đầu tư máy tính, nâng cấp mạng LAN, triển khai ứng dụng nội bộ tại mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp, Tập đoàn viễn thông để phát triển cơ sở hạ tầng CNTT và truyền thông.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho ứng dụng CNTT để nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

- Ưu tiên cho các doanh nghiệp CNTT của tỉnh tham gia vào các dự án ứng dụng CNTT của tỉnh.

e) Tăng cường hợp tác quốc tế

- Đẩy mạnh thu hút hợp tác về khoa học, công nghệ với các đối tác, đặc biệt là các Cục, vụ, học viện, các trường đại học, có trình độ khoa học công nghệ tiên tiến, chủ động tham gia mạng lưới đổi mới sáng tạo quốc gia.

- Tăng cường hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm với một số tỉnh/thành phố về cơ chế, chính sách phát triển mô hình chính quyền điện tử. Chủ động hợp tác với các Tập đoàn viễn thông và CNTT để triển khai hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng và phát triển công nghệ hiện đại.

6. Lộ trình và kinh phí thực hiện

(Chi tiết tại Phụ lục II. Danh mục nhiệm vụ ứng dụng CNTT giai đoạn 2021-2025).

7. Tổ chức thực hiện

a) Sở Nội vụ

- Chủ trì phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu cho giải pháp sắp xếp, bố trí cán bộ chuyên trách CNTT trong cơ quan Nhà nước theo quy định; sắp xếp các đơn vị sự nghiệp CNTT theo hướng tập trung nguồn lực, hoạt động hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành trung ương về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai nhiệm vụ lồng ghép tiêu chí đánh giá về chuyển đổi số vào bộ chỉ số cải cách hành chính của tỉnh.

b) Sở Thông tin và Truyền thông

- Cụ thể hóa các văn bản quy phạm pháp luật, chủ trương, chính sách để chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; tham mưu đẩy mạnh ứng dụng CNTT, phát triển Chính quyền số phù hợp với điều kiện của tỉnh.

- Hàng năm, phối hợp tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kỹ năng ứng dụng CNTT của cán bộ, công chức, viên chức trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.

- Tăng cường quản lý nhà nước về CNTT và truyền thông trên địa bàn tỉnh, chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai và theo dõi thực hiện Kế hoạch này; Chịu trách nhiệm cập nhật và điều chỉnh Kế hoạch để phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh theo từng thời kỳ.

- Tham mưu tăng cường hoạt động Ban chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử của tỉnh và hướng dẫn tăng cường hoạt động Ban chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử các huyện, thành phố trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh.

- Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức hướng dẫn các ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch ứng dụng và phát triển Chính quyền điện tử, hàng năm phù hợp với Kế hoạch này.

- Hướng dẫn, thẩm định, giám sát và hỗ trợ các đơn vị triển khai đầu tư ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp với Khung kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh.

- Theo dõi hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch của các đơn vị trên địa bàn tỉnh.

c) Sở Tài chính

Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách tỉnh, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị cấp tỉnh có liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện theo Kế hoạch được phê duyệt.

d) Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan, tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn đầu tư phát triển thực hiện các dự án ứng dụng CNTT, phát triển Chính quyền số có trọng tâm, trọng điểm theo các nội dung trong Kế hoạch này, đảm bảo phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của tỉnh và các quy định hiện hành.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đẩy mạnh thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ nước ngoài và các đối tác quốc tế cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, chuyển giao công nghệ.

e) Sở Khoa học và Công nghệ

- Ưu tiên kinh phí triển khai các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực CNTT và truyền thông phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương kết nối các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ để tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

g) Sở Công thương

Chủ trì xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh.

h) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng các chương trình đào tạo bổ sung, đào tạo kỹ năng lao động mới cho người lao động, phục vụ phát triển Chính quyền số.

- Nghiên cứu, đánh giá các tác động của công nghệ số đến xã hội; nghiên cứu các giải pháp thúc đẩy hình thành các trung tâm hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng tác động bởi công nghệ số theo hướng xã hội hóa.

i) Sở Giáo dục và Đào tạo

- Quán triệt, phổ biến, tuyên truyền chủ trương, chính sách và tăng cường tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong việc dạy và học tại các trường học trên địa bàn tỉnh.

- Khuyến khích các cán bộ giáo viên ứng dụng CNTT để đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, tăng cường thiết kế bài giảng điện tử, bài tập điện tử để học sinh tự kiểm tra, tự đánh giá, tự học tại nhà.

- Đẩy mạnh đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, phòng máy tính kết nối internet phục vụ việc học và nhu cầu thực hành, tra cứu thông tin của giáo viên, học sinh, sinh viên, học viên ở hầu hết các cấp học.

- Chủ trì, phối hợp với sở Lao động - Thương binh và Xã hội bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo và dạy nghề gắn với công nghệ số.

k) Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Người đứng đầu các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm trong việc ứng dụng CNTT vào hoạt động của cơ quan mình; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong việc thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT, phát triển Chính quyền số đảm bảo đồng bộ với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tăng cường quán triệt, tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhận thức đúng về bản chất, đặc trưng, các cơ hội và thách thức của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để có cách tiếp cận, giải pháp phù hợp, hiệu quả.

- Tổ chức xây dựng và triển khai các dịch vụ công trực tuyến ở mức 3, 4 thuộc phạm vi quản lý của ngành, địa phương mình, thúc đẩy cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

- Các cơ quan, đơn vị xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT, phát triển Chính quyền số hàng năm phù hợp với mục tiêu và nội dung của kế hoạch này đồng thời bảo đảm tỷ lệ kinh phí chi cho các sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng đạt tối thiểu 10% trong tổng kinh phí triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm, giai đoạn 5 năm và các dự án CNTT.

Trên đây là Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025, đề nghị các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung các sở, ngành, địa phương chủ động đề xuất gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ TTTT (b/c);
- TT. Tỉnh ủy (b/c);
- TT. HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành của tỉnh
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP, CVP UBND tỉnh;
- Các phòng, TT: TH, KSTTHC, TTCP;
- Công TTĐT của tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (Nh-05b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Hà